

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 314/TTr-TNMT ngày 03/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần may BGG Yên Thế, địa chỉ trụ sở chính tại Tổ dân phố Thành Chung, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất hàng may mặc Yên Thế” tại Tổ dân phố Thành Chung, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở đầu tư

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy sản xuất hàng may mặc Yên Thế”.

1.2. Chủ cơ sở: Công ty Cổ phần may BGG Yên Thế.

1.3. Địa điểm hoạt động: Tổ dân phố Thành Chung, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 2400937545, do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch

và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 22/4/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/6/2022.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 6565485011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 08/10/2010, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 11 ngày 07/6/2022.

1.5. Mã số thuế: 2400937545.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Gia công hàng may mặc xuất khẩu.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Cơ sở thực hiện tại Tổ dân phố Thành Chung, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, với diện tích đất sử dụng 67.342,1 m².

- Quy mô của cơ sở:

+ Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo quy định pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)¹.

- Công suất sản xuất của cơ sở: Gia công hàng may mặc xuất khẩu 4,8 triệu sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần may BGG Yên Thế được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty Cổ phần may BGG Yên Thế có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

¹ quy định tại STT2, mục I, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Công ty Cổ phần may BGG Yên Thế có trách nhiệm:

1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Thế nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Thế để kiểm tra, xem xét giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 26/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết cơ sở “Nhà máy sản xuất hàng may mặc Yên Thế” tại xã Phồn Xương (nay là thị trấn Phồn Xương), huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH may Yên Thế làm chủ cơ sở và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Yên Thế, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Nhà máy sản xuất hàng may mặc Yên Thế”, tại Tổ dân phố Thành Chung, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 375/QĐ-TNMT ngày 22/5/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu trên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND huyện Yên Thế; UBND thị trấn Phồn Xương; Công ty Cổ phần may BGG Yên Thế và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty Cổ phần may BGG Yên Thế (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT.Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: 02 nguồn

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên của cơ sở.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ công đoạn đập bụi của hệ thống xử lý khí thải lò hơi được tuần hoàn tái sử dụng, không xả thải ra môi trường.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày đêm của cơ sở được xả vào mương thoát nước của Tổ dân phố Thành Chung, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước của Tổ dân phố Thành Chung, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải: 01 vị trí tại cống xả thoát nước thải của cơ sở trước khi chảy ra mương thoát nước của Tổ dân phố Thành Chung, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2373396; Y = 408633 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 300 m³/ngày đêm, tương đương khoảng 12,5 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày đêm được tự chảy ra mương thoát nước của Tổ dân phố Thành Chung, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận nước thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B), cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/ BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ
2	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.000	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100	
4	BOD ₅	mg/L	50	
5	Amoni (Tính theo N)	mg/L	10	
6	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	50	
8	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	20	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10	
11	Tổng Coliform	MPN/100mL	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh sau khi được thu gom, xử lý sơ bộ qua 14 bể tự hoại 3 ngăn, thể tích mỗi bể là 24 m³. Vị trí và số lượng các bể tự hoại như sau:

- + 01 bể tự hoại ở nhà bảo vệ.
- + 03 bể ở nhà xưởng sản xuất số 1.
- + 02 bể ở nhà xưởng sản xuất số 2.
- + 02 bể ở nhà ở chuyên gia.
- + 01 bể ở nhà văn phòng.
- + 02 bể ở nhà xưởng sản xuất số 3.
- + 01 bể tự hoại ở nhà trưng bày sản phẩm 1.
- + 01 bể tự hoại ở nhà trưng bày sản phẩm 2.
- + 01 bể tự hoại ở nhà đa năng.

Nước thải từ các khu vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ ở các bể tự hoại và nước thải từ các nguồn khác (như: rửa chân tay, rửa sàn nhà vệ sinh...) được thu gom vào hệ thống đường ống có D110, D140, sau đó đầu nối vào các đường ống D200 được lắp đặt tại các khu vực khác nhau chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày đêm. Cụ thể:

+ Nước thải ở khu nhà trung bày sản phẩm 1, nhà bảo vệ, nhà xưởng sản xuất số 2 được thu gom vào đường ống D200 với tổng chiều dài khoảng 221 m.

+ Nước thải ở khu nhà trung bày sản phẩm 2, nhà ở chuyên gia, nhà văn phòng và nhà xưởng sản xuất số 1 được thu gom vào đường ống D200 với tổng chiều dài khoảng 240 m. Nước thải sau đó tiếp tục được đầu nối chung với dòng nước thải khu nhà trung bày sản phẩm 1, nhà bảo vệ, nhà xưởng sản xuất số 2 vào đường ống D200 với tổng chiều dài khoảng 57 m về hệ thống xử lý nước thải.

+ Nước thải ở nhà đa năng được thu gom vào đường ống D200 với tổng chiều dài khoảng 157m và nước thải ở nhà xưởng sản xuất số 3 thu gom vào đường ống D200 với tổng chiều dài khoảng 55m. Sau đó chảy chung theo đường ống D200 với tổng chiều dài 77m đầu nối vào đường ống D200 chảy cùng với nước thải nhà bếp, nhà ăn ca sau xử lý ở bể tách dầu mỡ về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ nhà bếp, nhà ăn ca chảy qua rãnh thoát nước có độ rộng 0,35cm, sâu từ 0,15-0,25 cm với tổng chiều dài khoảng 35m vào bể tách dầu mỡ thể tích 6,45m³. Nước sau khi xử lý ở bể tách dầu mỡ được qua đường ống D200 chiều dài 102 m về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

* Nước thải phát sinh từ công đoạn dập bụi của hệ thống xử lý khí thải lò hơi: Được tuần hoàn tái sử dụng liên tục, khi cạn có thể bổ sung thêm nước sạch, không xả thải ra môi trường. Cơ sở thuê đơn vị có chức năng hút và nạo vét bùn cặn trong bể dập bụi và mang đi xử lý ngay sau khi nạo vét (tần suất 01 lần/năm).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 300m³/ngày đêm:

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh sau khi xử lý qua bể tự hoại và nước thải nhà bếp sau khi xử lý qua bể tách dầu mỡ → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng số 1 → Bể lắng số 2 → Bể khử trùng → Mương thoát nước của Tổ dân phố Thành Chung, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế (nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: 300 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch Javen: 500 g/ngày; Men vi sinh: 10 kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi xảy ra sự cố đối với hệ thống thu gom, thoát nước thải

1.4.1. Phương án phòng ngừa sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành), tuân thủ định mức hóa chất. Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Thường xuyên bảo dưỡng, duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, với tần suất 03 tháng/lần.

1.4.2. Phương án ứng phó sự cố

* Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải hay sự cố kỹ thuật khác:

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng để kiểm tra, kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống này để khắc phục sự cố trong vòng 01 ngày, khi đó chủ cơ sở phải thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải đem đi xử lý theo quy định.

* Khi gặp sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn cho phép:

- Nước thải qua hệ thống xử lý có thể gặp các sự cố như một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể xả thải, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra và điều chỉnh lại định mức hóa chất tại bể điều hòa và hiệu quả lắng của bể lắng.

Trương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, chủ cơ sở cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý. Đồng thời, thông báo cho UBND huyện Yên Thế để kiểm tra, xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở đã được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (giấy phép môi trường thành phần) số 385/GP-TNMT

ngày 18/5/2021, với lưu lượng xả thải lớn nhất 140 m³/ngày đêm, thời hạn giấy phép 03 năm (36 tháng), kể từ ngày ký giấy phép. Khi đó, đổi chiều quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải nêu trên.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi chảy vào mương thoát nước của Tô dân phố Thành Chung, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế. Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, chủ cơ sở phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Thế để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi đốt than.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 2373314; Y= 408723 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiều 3^0).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 4.120 m³/giờ, tương đương 65.920 m³/ngày (1 ngày làm việc 12 giờ).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (thời gian làm việc 12 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN19:2009/BTNMT, cột B, K_p = 1; K_v =1); cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Nhiệt độ	°C	-	Theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1.000	
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500	
5	Nitơ, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Toàn bộ bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi được thu vào ống dẫn D380 bằng thép với chiều dài 3,5m vào Cyclone bằng tôn thép 2 lớp dày 8mm để loại bỏ các hạt bụi khô, sau đó được hút bằng quạt hút (công suất 7,5 KW/giờ) theo đường ống dẫn kích thước 30x30 cm bằng thép chiều dài 1,5m vào bể chứa dung dịch nước vôi. Khí thải sau xử lý được tiếp tục dẫn vào ống dẫn kích thước 30x30 cm bằng thép chiều dài 1,3m sau đó qua ống khói (cao khoảng 15m, đường kính D300) thoát ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi: Bụi, khí thải từ lò hơi → Ống dẫn → Cyclone → Quạt hút → Ống dẫn → Bể khử bụi (xử lý bằng dung dịch nước vôi trong) → Ống khói → Môi trường (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý khí thải: 4.120 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải:

+ Vôi: Khoảng 120 kg/năm.

+ Nước sạch: Khoảng 12 m³/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố

- Dự trữ trong kho của cơ sở đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, nhằm phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại cơ sở, nhằm hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng các hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và thông báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Định kỳ (01 năm/lần), chủ cơ sở thuê đơn vị bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để đảm bảo xử lý khí thải đạt quy chuẩn cho phép.

- Tiến hành các biện pháp làm thông thoáng nhà xưởng để tránh gây ảnh hưởng đến công nhân khi sự cố xảy ra.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời tạm dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/08/2024 đến ngày 28/02/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm của dòng thải (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi trước khi thải ra môi trường	SO ₂ , CO, NO _x (tính theo NO ₂), bụi tổng	- Dự kiến lấy mẫu đơn 1 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp. Cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 26/11/2024 + Lần 2: Ngày 27/11/2024 + Lần 3: Ngày 28/11/2024	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường

đã được cấp, chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Thế để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh: 03 nguồn.

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất tại nhà xưởng số 1.

- Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất tại nhà xưởng số 2.

- Nguồn số 3: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất tại nhà xưởng số 3.

2. Vị trí phát sinh: 03 vị trí (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰)

- Vị trí 1 tại trung tâm nhà xưởng sản xuất số 1. Tọa độ vị trí phát sinh: X = 2373437; Y = 408747.

- Vị trí 2: Tại trung tâm nhà xưởng sản xuất số 2. Tọa độ vị trí phát sinh: X = 2373320; Y = 408783.

- Vị trí 3: Tại trung tâm nhà xưởng sản xuất số 3. Tọa độ vị trí phát sinh: X = 2373514; Y = 408857.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm ma sát nhằm giảm tiếng ồn sinh ra.

- Các máy móc, thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, thay thế nếu phát hiện hỏng hóc.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn (như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ), đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức độ ồn cao.

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng,...

- Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho các công nhân. Có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng 770 kg/năm, bao gồm:

TT	Các loại chất thải	Số lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	25
2	Giẻ lau dính dầu mỡ thải từ quá trình bảo dưỡng sửa chữa máy móc, thiết bị tại các khu sửa chữa máy móc thiết bị của cơ sở và các khu vực khác	30
3	Dầu động cơ, hộp số và dầu thải tổng hợp	70
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	70
5	Bao bì mềm thải	80
6	Thiết bị thải có các bộ phận chứa các thành phần nguy hại	30
7	Pin, ắc quy thải	65
8	Nước thải nhiễm dầu từ máy nén khí	400
Tổng cộng		770

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên khoảng 350 kg/ngày, bao gồm:

TT	Các loại chất thải	Số lượng trung bình (kg/ngày)
1	Vải vụn, sản phẩm hỏng	250
2	Thùng cattong, bao bì, ống giấy cuộn vải, băng dính, dây buộc	65
3	Các loại chất thải khác: Cúc khoá hỏng, pallet vỡ hỏng, ống chi...	35
Tổng cộng		350

1.3. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 1,25 tấn/ngày, với thành phần chất thải chủ yếu là rác thải nhà bếp, bao bì đựng đồ uống bằng nilon, nhựa, các loại phế thải phục vụ văn phòng, ...

Bùn thải từ bể tự hoại khoảng 31 m³/năm; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung khoảng 22 m³/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí khoảng 09 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 180 lít/thùng, đặt trong kho chứa CTNH để thu gom, lưu chứa riêng từng loại CTNH, bên ngoài thùng chứa có dán mã chất, kí hiệu và tên từng loại CTNH theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Kho chứa CTNH: diện tích 30 m², được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Được xây bằng tường tôn, nhà mái tôn, nền láng xi măng, có cửa khóa, dán biển cảnh báo CTNH theo quy định.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định (tần suất 01 năm/lần hoặc thay đổi tùy vào tình hình hoạt động thực tế của cơ sở).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Không bố trí thiết bị lưu chứa. Chất thải rắn sản xuất được thu gom vào các bao tải, thùng giấy rồi đưa về kho chứa chất thải rắn sản xuất thông thường, diện tích 394 m². Tro xỉ than từ quá trình vận hành lò hơi được thu gom và lưu trữ tại kho chứa xỉ than.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Kho chứa chất thải rắn sản xuất thông thường: diện tích 394 m²; kho chứa xỉ than: diện tích 80 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa:

+ Kho chứa chất thải rắn sản xuất thông thường: Tường xây gạch, mái bản tôn, nền đổ bê tông.

+ Kho chứa xỉ than: Tường xây gạch, mái lợp fibro xi măng, nền đổ bê tông.

- Tro xỉ than từ quá trình vận hành lò hơi: Hiện tại phần tro xỉ than này được tận dụng để san lấp các khu vực trũng thấp trong khuôn viên cơ sở. Khi đã dùng tro xỉ san lấp hết các khu vực trũng thấp trong khuôn viên, chủ cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý tro xỉ theo quy định.

- Chất thải rắn sản xuất thông thường: Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

theo quy định (tần suất vận chuyển 15-20 ngày/1 lần hoặc thay đổi tùy vào tình hình hoạt động thực tế của cơ sở).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 15 thùng đựng rác bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 40 lít đến 180 lít/thùng, đặt tại các khu vực trong cơ sở (như: khu vực nhà bếp, nhà ăn, văn phòng, xưởng sản xuất, đường đi) để thu gom chất thải sinh hoạt. Sau đó thu gom vào 08 thùng chứa, dung tích 150 lít/thùng và 02 xe chở rác, dung tích 250 lít/xe, đặt vào kho chứa chất thải sinh hoạt.

- Bùn thải từ các bể tự hoại, bể tách dầu mỡ, hệ thống xử lý nước thải tập trung, chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút đưa đi xử lý theo quy định (tần suất 01 lần/năm hoặc khi các bể đầy bùn).

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt: diện tích 12m², được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Tường xây gạch, mái bán tôn, nền đổ bê tông.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định (tần suất 1 - 2 ngày/lần).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động sản xuất sau khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Công ty Cổ phần may BGG Yên Thế có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; tuân thủ các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành. Chịu trách nhiệm sửa chữa, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi chảy ra mương thoát nước của Tổ dân phố Thành Chung, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải công suất 4.120 m³/giờ để thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở đảm bảo khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Thế trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định..

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 314/TTr-TNMT ngày 01/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở./.